

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2021/HS-ST**

Ngày 28/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Bên và ông Bùi Tấn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tứ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST - HS ngày 22 tháng 6 năm 2021 và Thông báo chuyển ngày xét xử vụ án số: 130/TB - TA ngày 12 tháng 7 năm 2021, đối với các bị cáo:

1/ Ngô Hào S, sinh năm 1985 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Quang M và con bà Trịnh Thị D; vợ: Nguyễn Hoàng Nhật T (đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 2011.

Tiền án: không có tiền án.

Tiền sự: 02 tiền sự:

Tháng 10/2017 bị Công an huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xử phạt hành chính về hành vi “*Đánh bạc trái phép*” với số tiền 1.500.000đồng theo Quyết định xử phạt hành chính số 280 ngày 27/10/2017; đến nay chưa thi hành.

Tháng 8/2019 bị Công an huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xử phạt hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” với số tiền 500.000đồng theo Quyết định xử phạt hành chính số 30 ngày 12/8/2019; đến nay chưa thi hành.

Nhân thân: Ngày 16/3/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tuyên phạt 24 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Ngày 24/12/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tuyên phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm*

cấp tài sản” và ngày 17/3/2015 Bị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tuyên phạt 24 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo Bản án số 17/2015/HSST). Các bản án trên đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/11/2020 đến nay, bị cáo đang giam có mặt tại phiên tòa.

2/ Phạm Tấn T, sinh năm 1999 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Tấn X và con bà Nguyễn Thị O; vợ, con: chưa có;

Tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 17/4/2020 bị Công an huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xử phạt hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” với số tiền 750.000đồng theo Quyết định xử phạt hành chính số 71 ngày 17/4/2020 và đến nay đã thi hành xong.

Nhân thân: Ngày 17/5/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” (bản án số 23/2017/HSST), đến ngày 10/02/2018 thì chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/11/2020 đến nay, bị cáo đang giam có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/ Anh Võ Văn L, sinh năm 1992; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

Nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2/ Ông Ngô Đức T, sinh năm 1980, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

Nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3/ Ông Lê Thanh T, sinh năm 1977, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

Nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1977; vắng mặt không có lý do chính đáng;

Nơi cư trú: tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2/ Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1981, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

3/ Anh Trần Văn V(Tên gọi khác: T), sinh năm 1985, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

Nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

4/ Bà Hồ Thị N, sinh năm 1970; vắng mặt không có lý do chính đáng;

Nơi cư trú: thôn Đc, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người làm chứng:

- 1/ Chị Nguyễn Hoàng Thảo L, , sinh năm 2002;
Nơi cư trú: Khối X, thị trấn N, huyện N1, tỉnh Quảng Nam.
- 2/ Ông Lê Tấn Đ, sinh năm 1958;
Nơi cư trú: thôn Đc, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.
- 3/ Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1972;
- 4/ Anh Nguyễn Trung N, sinh năm 1994;
Cùng cư trú: thôn P, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.
- 5/ Ông Dương Thành T, sinh năm 1963;
Nơi cư trú: tổ X, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
Điều vắng mặt không có lý do chính đáng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Ngô Hào S và Phạm Tấn T là bạn bè với nhau. Vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 08/11/2020, T một mình điều khiển xe Attila BKS 76X7 – 581X đến nhà S để rủ S đến địa bàn huyện Bình Sơn tìm tài sản trộm cắp kiếm tiền tiêu xài thì được S đồng ý. Sang điều khiển xe 76S7 – 907X chở T (xe của T để tại nhà S) đi trên quốc lộ 1A đến thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi thì T phát hiện Tiệm phụ kiện điện thoại 9X, thuộc Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi do Anh Võ Văn L, sinh năm 1992, ở xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi làm chủ đóng cửa, không có người trông coi nên nảy sinh ý định đột nhập, trộm cắp tài sản. T nói với S về ý định đột nhập, trộm cắp tài sản tại Tiệm phụ kiện điện thoại nói trên thì được S đồng ý. S chở T đến gần Tiệm phụ kiện điện thoại cất xe máy. Sau đó, cả hai quan sát thấy không có người xung quanh nên tiến đến cửa kéo của tiệm, do cửa đã được khóa ngoài bằng ổ khóa nên S nhặt 01 thanh sắt gần đó nhét vào khe cửa để phá khóa thì ổ khóa mở. S tháo ổ khóa rồi kéo cửa mở cho T chui vào trong, còn S đứng ngoài canh giới. T đến quầy của T trộm cắp được 1.200.000đồng tiền mặt và card điện thoại các loại với nhiều mệnh giá bỏ trong túi áo khoát của mình mang ra ngoài, S kéo cửa lại rồi điều khiển xe máy chở T về huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Khi đến Tiệm tạp hóa Lan Phương do Bà Hồ Thị N, sinh năm 1970, ở thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, thấy tiệm còn mở cửa và do đã từng mua card ở đây nhiều lần nên T quen biết bà N; T bảo S điều khiển xe máy đến trước tiệm. T vào trong hỏi bán số card trộm cắp được cho Bà Hồ Thị N thì Bà Hồ Thị N đồng ý mua. Số card được cả hai kiểm đếm xác định tổng giá trị của card các loại là 1.760.000đồng. Bà Hồ Thị N đưa ra giá mua tất cả số card trên là 1.700.000đồng thì T đồng ý bán. Do T nợ Bà Hồ Thị N số tiền 900.000đồng mua card trước đó nên Bà Hồ Thị N trừ số tiền nợ và đưa cho Tuấn 800.000đồng. T mang số tiền trộm cắp và tiền bán card ra chia cho S 1.000.000đồng và T giữ 1.000.000đồng.

Sau khi chia tiền, T chở Ngô Hào S về nhà S, còn T ra chợ dân sinh gần nhà S ngồi chơi điện tử trên điện thoại di động.

Đến khoảng 03 giờ 00 phút ngày 09/11/2020, T quay lại nhà S để rủ Ngô Hào S quay lại Tiệm phụ kiện điện thoại 9X nói trên để tiếp tục trộm cắp tài sản thì S đồng ý. S chở T bằng xe Attila BKS 76X7 – 581X để quay lại đây, cả 02 vào Tiệm bằng lối vào cũ, quan sát thấy phụ kiện điện thoại treo trên kệ nên T lấy 01 hộp giấy của tiệm rồi bảo S cùng mình lấy phụ kiện gồm: Ốp lưng, loa, chân đế điện thoại, sạc dự phòng, dây sạc, củ sạc, tai nghe bỏ vào đầy hộp giấy rồi T khiêng hộp giấy ra xe để S chở về huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Đến khu vực chợ dân sinh gần nhà của S thì T bảo S dừng lại để mang hộp giấy vào cất giấu. Sau khi cùng S về nhà thì khoảng 06 giờ 30 cùng ngày, T quay lại nơi cất giấu tài sản trộm cắp được, chở đến cửa hàng điện thoại Anh Khoa do Trần Văn V, sinh năm 1985, ở xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam làm chủ. Tại đây, T nói với Trần Văn V số linh kiện điện thoại là của mình cần bán thanh lý nên Trần Văn V đồng ý mua. T và Trần Văn V cùng kiểm tra số linh kiện điện thoại trong thùng, xác định có: 04 loa nhãn hiệu Kimiso 301; 01 loa nhãn hiệu Kimiso KMS3; 03 pin sạc dự phòng nhãn hiệu Hoko J52; 02 bộ sạc nhãn hiệu Oppo R15; 04 chân đế kê điện thoại nhãn hiệu Tripop 3210a; 02 bộ sạc nhãn hiệu Oppo R17; 06 đầu sạc nhãn hiệu Samsung màu đen; 01 đầu sạc nhãn hiệu Samsung màu trắng; 06 đầu sạc nhãn hiệu Iphone; 06 tai nghe nhãn hiệu Samsung; 23 ốp lưng điện thoại Iphone 7/8 Plus; 03 ốp lưng điện thoại Iphone 6 Plus; 15 ốp lưng điện thoại Iphone 6S Plus; 01 ốp lưng điện thoại Iphone X/XS; 08 ốp lưng điện thoại Iphone 6S; 04 ốp lưng điện thoại Iphone X; 03 ốp lưng điện thoại Iphone 7 Plus; 02 ốp lưng điện thoại Iphone 6; 11 dây sạc Iphone; 04 củ sạc Iphone; 04 tai nghe Iphone 6; 02 củ sạc Oppo; 02 bộ sạc Iphone; 04 dây sạc Iphone Microcom DL02i; 04 dây sạc Iphone Microcom DM01i. Sau khi kiểm tra, Trần Văn V đồng ý mua số tài sản trên với giá 2.200.000đồng, T đồng ý bán. T mang số tiền bán được tài sản về chia cho Sang 1.100.000đồng, còn lại 1.100.000đồng T cất giữ phần của T.

Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện Bình Sơn định giá trị đối với số tài sản S và T trộm cắp được nêu trên giá trị là 7.516.000đồng, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 10.476.000đồng.

Quá trình điều tra mở rộng vụ án, S và T còn khai nhận đã thực hiện một vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể:

Do cần tiền để sử dụng ma túy đá nên khoảng 00 giờ 00 phút ngày 08/11/2020, T rủ S đến thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi để trộm cắp tài sản thì Sang đồng ý. S điều khiển xe máy BKS 76S7 – 907X chở T trên quốc lộ 1A đến địa phận thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi thì T thấy khu vực Chợ C vắng người nên bảo S điều khiển xe máy chạy vào khu vực trước Chợ C. Tại đây, cả hai dừng lại quan sát thấy tại vỉa hè trước kiốt trái cây của Ông Lê Thanh T, sinh năm 1979, ở tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi có một số thùng trái cây đang để đó nhưng không có người trông coi nên T bảo S lấy số thùng trái cây này mang về huyện N, tỉnh Quảng Nam bán lấy tiền tiêu xài thì S đồng ý. T thấy

có 01 cộ kéo (loại cộ có thùng, là tài sản của anh Ngô Đức T, sinh năm 1980, ở Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi) đang để gần đó, không có ai trông coi nên bảo S lấy trộm cộ kéo trên mang lại vị trí các thùng trái cây rồi cả hai khiêng 07 thùng cam sành, 02 rổ nho trái màu tím, 01 rổ nho trái màu xanh, 03 thùng táo, 04 thùng ổi và 04 rổ quýt bỏ lên cộ. Sau đó, T ngồi sau kéo cộ để S điều khiển xe 76S7 – 907X chở về đền Trạm Xăng dầu số 377, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam thì dừng lại, để cộ và số trái cây vừa trộm cắp được ở sân Trạm Xăng dầu 377, chờ trời sáng thì đem bán. Lúc này, S có mở rổ nho màu xanh lấy ăn. Sau đó, cả hai điều khiển xe máy về phòng trọ của S gần cửa hàng xăng dầu nói trên nghỉ ngơi. Khoảng 02 giờ 00 phút cùng ngày, Lê Thanh T phát hiện mất tài sản nên điều khiển xe máy đi trên quốc lộ 1A tìm tài sản bị mất, đến Trạm Xăng dầu 377 phát hiện tài sản của mình nên đã mang trái cây cùng cộ về lại kiốt, cộ kéo được anh T trả lại cho anh Ngô Đức T. Đến khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày, S, T quay lại để lấy tài sản đi tiêu thụ thì thấy tài sản mình trộm được nói trên đã được anh Lê Thanh T phát hiện nên bỏ đi luôn, không dám đến lấy.

Số tài sản S và T trộm cắp được tại Chợ C nêu trên xác định gồm: 07 thùng cam sành, trái màu xanh, khối lượng mỗi thùng 20kg, tổng cộng 140kg; 02 rổ nho, trái màu tím, khối lượng mỗi rổ 05kg, tổng cộng 10 kg; 01 rổ nho, trái màu xanh, khối lượng 05kg; 03 thùng táo, trái màu xanh, khối lượng mỗi thùng 20kg, tổng cộng là 60kg; 04 thùng ổi, trái màu xanh, khối lượng mỗi thùng 10kg, tổng cộng là 40kg; 04 rổ quýt Thái, trái màu vàng, khối lượng mỗi rổ 10 kg, tổng cộng là 40 kg.

Hội đồng định giá trong tố tụng huyện Bình Sơn kết luận giá trị tất cả tài sản nêu trên là 5.270.000đồng, 01 cộ kéo có thùng có giá trị là 1.600.000đồng.

Qua kết quả điều tra như trên xác định được như sau: Trong các ngày 08 và 09/11/2020, Ngô Hào S và Phạm Tấn T đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 17.346.000 đồng (*Mười bảy triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

Đối với Phạm Tấn T, năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù giam về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” tại bản án hình sự số 23/2017/HSST; Phạm Tấn T đã chấp hành xong án phạt tù, thi hành xong trách nhiệm dân sự và án phí hình sự sơ thẩm nên đã được xóa án tích. Do đó, hành vi của Phạm Tấn T nêu trên đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với Ngô Hào S, trên cơ sở kết quả điều tra bổ sung thì xác định được Ngô Hào S có 03 tiền án nhưng đều chấp hành xong và đã được xóa án tích nên hành vi của Ngô Hào S chỉ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản Cáo trạng số 37/CT-VKS-BS ngày 31/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Ngô Hào S và Phạm Tấn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng

Ngãi giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Ngô Hào S và Phạm Tấn T đều về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Ngô Hào S từ 30 tháng đến 36 tháng tù; xử phạt Phạm Tấn T từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Vì các bị cáo không có nghề nghiệp nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, Anh Võ Văn L yêu cầu Phạm Tấn T và Ngô Hào S phải bồi thường số tiền 4.524.000đồng (bao gồm card điện thoại trị giá 1.760.000đồng; tiền mặt 1.200.000đồng; 04 ốp lưng điện thoại Iphone X, 03 ốp lưng điện thoại Iphone 7 Plus, 02 ốp lưng điện thoại Iphone 6, 11 dây sạc Iphone, 04 củ sạc Iphone, 04 tai nghe Iphone 6, 02 củ sạc Oppo, 02 bộ sạc Iphone được định giá tổng cộng là 1.564.000đồng mà Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được) nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc hai bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường, mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 2.262.000đồng.

Về vật chứng vụ án:

Đối với số phụ kiện điện thoại bị mất, Cơ quan Cảnh sát điều tra chỉ thu hồi được: 04 loa nhả hiệu Kimiso 301; 01 loa nhả hiệu Kimiso KMS3; 03 pin sạc dự phòng nhả hiệu Hoko J52; 02 bộ sạc nhả hiệu Oppo R15; 04 chân đế kê điện thoại nhả hiệu Tripop 3210a; 02 bộ sạc nhả hiệu Oppo R17; 06 đầu sạc nhả hiệu Samsung màu đen; 01 đầu sạc nhả hiệu Samsung màu trắng; 06 đầu sạc nhả hiệu Iphone; 06 tai nghe nhả hiệu Samsung; 23 ốp lưng điện thoại Iphone 7/8 Plus; 03 ốp lưng điện thoại Iphone 6 Plus; 15 ốp lưng điện thoại Iphone 6S Plus; 01 ốp lưng điện thoại Iphone X/XS; 08 ốp lưng điện thoại Iphone 6S; 04 dây sạc Iphone Microcom DL02i; 04 dây sạc Iphone Microcom DM01i đã trả lại cho người bị hại Võ Văn L, anh L không có yêu cầu khiếu nại gì đối với số tài sản này nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Đối với tài sản bị trộm cắp là trái cây và cộ kéo, các bị hại đã phát hiện ngay trong ngày và mang về sử dụng; trái cây đã được Lê Thanh T bán hết. Đồng thời, các bị hại Lê Thanh T, Ngô Đức T cũng không có yêu cầu khiếu nại gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 76S7 – 907X được Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ. Quá trình điều tra xác định, đây không phải là tài sản của các bị cáo, việc các bị cáo sử dụng xe này làm phương tiện để đi trộm cắp thì chủ sở hữu là Nguyễn Tấn Ph, sinh năm 1981, ở xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam không biết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Nguyễn Tấn Ph là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Đối với xe mô tô Attila biển kiểm soát 76X7 – 581X, qua điều tra xác định không phải là tài sản của các bị cáo, việc các bị cáo sử dụng xe này làm phương tiện để đi trộm cắp thì chủ sở hữu là Nguyễn Văn B không biết. Do đó, Cơ quan

Cảnh sát điều tra không tạm giữ nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Đối với công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để phá ổ khóa cửa Tiệm phụ kiện 9X để đột nhập trộm cắp tài sản đã được các bị cáo vứt bỏ tại khu vực hiện trường. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã truy tìm nhưng không tìm được nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Đối với ổ khóa cửa của Tiệm phụ kiện 9X do các bị cáo cạy bị hư hỏng nên bị hại Võ Văn L đã đem vứt bỏ, không nhớ đã bỏ ở đâu, không có cơ sở để truy tìm nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về những vấn đề khác:

Đối với Trần Văn V và Hồ Thị N có hành vi mua tài sản do phạm tội mà có nhưng khi mua những người này đều không biết nguồn gốc tài sản là do phạm tội mà có nên không đủ căn cứ kết luận Trần Văn V và Hồ Thị N phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại điều 323 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 76S7 – 907X thuộc sở hữu của Nguyễn Tấn Ph, xe mô tô Attila biển kiểm soát 76X7 – 581X thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn B; anh Ph, anh B cho bị cáo S, T sử dụng làm phương tiện đi lại; việc bị cáo S, T sử dụng phương tiện các xe mô tô nói trên vào việc phạm tội thì anh Ph, anh B không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Ph, anh B là đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ý kiến bào chữa, tranh luận của các bị cáo: Các bị cáo đều không bào chữa, tranh luận gì về điều luật áp dụng, tội danh, mức hình phạt, hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn.

Ý kiến của các bị hại: Đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên thu thập và người tham gia tố tụng khác cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[1.2] Xét tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Hòa S và Phạm Tấn T khai nhận trong thời gian từ ngày 08/11/2020 đến 09/11/2020 các bị cáo đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản như phần tóm tắt nội dung vụ án; lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của các bị hại và những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Ngô Hòa S và Phạm Tấn T có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại gồm: ông Nguyễn Thanh T, ông Ngô Đức T và Anh Võ Văn L, tài sản chiếm đoạt như mô tả ở phần tóm tắt nội dung vụ án; tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 17.346.000đồng.

Hành vi của Ngô Hòa S và Phạm Tấn T như nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] *Xét tính chất, vai trò, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo:* Bị cáo Ngô Hòa S và Phạm Tấn T đều là người có đủ năng lực nhận thức, điều khiển hành vi nhưng xem thường pháp luật; hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của các bị hại, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa bàn thị trấn C nói riêng và huyện Bình Sơn nói chung.

Đối với bị cáo Phạm Tấn T, đã bị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích. Đến ngày 17/4/2020 bị Công an huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xử phạt hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quyết định xử phạt hành chính số 71 ngày 17/4/2020, đến nay đã thi hành xong.

Đối với bị cáo Ngô Hòa S có 3 tiền án đã được xóa án tích và 02 tiền sự đến nay vẫn chưa thi hành.

Các bị cáo Ngô Hòa S, Phạm Tấn T đã từng bị xử phạt tù, được cải tạo, giáo dục nhưng các bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, lười lao động, ý thức pháp luật kém; để có tiền thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy, tiêu xài cá nhân các bị cáo đã nhiều lần trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Bình Sơn. Trong một đêm các bị cáo đến Tiệm điện thoại 9X trộm cắp 02 lần, điều này thể hiện các bị cáo rất liều lĩnh, manh động và xem thường pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt chính là phạt tù nhằm cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội.

[2.3] *Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Ngô Hào S và Phạm Tấn T đều thành khẩn khai báo nên Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Ngô Hào S và Phạm Tấn T đã thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản, trong đó: Phạm Tấn T và Ngô Hào S có 03 lần đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội từ 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo và quyết định mức án nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng, phòng ngừa chung cho xã hội, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới cũng như thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[2.5.] Về trách nhiệm dân sự: Anh Võ Văn L yêu cầu Phạm Tấn T và Ngô Hào S phải bồi thường số tiền 4.524.000đồng (Bao gồm: card điện thoại trị giá 1.760.000đồng; tiền mặt 1.200.000đồng; 04 ốp lưng điện thoại Iphone X, 03 ốp lưng điện thoại Iphone 7 Plus, 02 ốp lưng điện thoại Iphone 6, 11 dây sạc Iphone, 04 củ sạc Iphone, 04 tai nghe Iphone 6, 02 củ sạc Oppo, 02 bộ sạc Iphone được định giá tổng cộng là 1.564.000đồng) do không thu hồi được là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần tuyên buộc hai bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường, mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 2.262.000đồng.

[2.6] Về vật chứng vụ án:

[2.6.1] Đối với số phụ kiện điện thoại bị mất, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi được và đã trả lại cho người bị hại Võ Văn L gồm: 04 loa nhĩn hiệu Kimiso 301; 01 loa nhĩn hiệu Kimiso KMS3; 03 pin sạc dự phòng nhĩn hiệu Hoko J52; 02 bộ sạc nhĩn hiệu Oppo R15; 04 chân đế kê điện thoại nhĩn hiệu Tripop 3210a; 02 bộ sạc nhĩn hiệu Oppo R17; 06 đầu sạc nhĩn hiệu Samsung màu đen; 01 đầu sạc nhĩn hiệu Samsung màu trắng; 06 đầu sạc nhĩn hiệu Iphone; 06 tai nghe nhĩn hiệu Samsung; 23 ốp lưng điện thoại Iphone 7/8 Plus; 03 ốp lưng điện thoại Iphone 6 Plus; 15 ốp lưng điện thoại Iphone 6S Plus; 01 ốp lưng điện thoại Iphone X/XS; 08 ốp lưng điện thoại Iphone 6S; 04 dây sạc Iphone Microcom DL02i; 04 dây sạc Iphone Microcom DM01i. Anh L đã nhận đủ không yêu cầu, khiếu nại gì đối với số tài sản này không yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[2.6.2] Đối với tài sản bị trộm cắp gồm trái cây và cộ kéo, các bị hại đã phát hiện và tự thu hồi lại tài sản. Anh Lê Thanh T và Ngô Đức T không yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[2.6.3] Đối với xe mô tô biển kiểm soát 76S7 – 907X được Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ. Quá trình điều tra xác định, đây không phải là tài sản của các bị cáo, việc các bị cáo sử dụng xe này làm phương tiện để đi trộm cắp thì chủ sở hữu là Nguyễn Tấn Ph không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Nguyễn Tấn

Ph, anh Ph đã nhận lại xe mô tô nói trên và không có yêu cầu khiếu nại gì nên không giải quyết.

[2.6.4] Đối với xe mô tô Attila biển kiểm soát 76X7 – 581X, qua điều tra xác định không phải là tài sản của các bị cáo, việc các bị cáo sử dụng xe này làm phương tiện để đi trộm cắp thì chủ sở hữu là Nguyễn Văn B không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra không tạm giữ là có căn cứ.

[2.6.5] Đối với công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để phá ổ khóa cửa Tiệm phụ kiện 9X để đột nhập trộm cắp tài sản đã được các bị cáo vứt bỏ tại khu vực hiện trường. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã truy tìm nhưng không tìm được.

[2.6.6] Đối với ổ khóa cửa của Tiệm phụ kiện 9X do các bị cáo cạy bị hư hỏng nên bị hại Võ Văn L đã đem vứt bỏ, không nhớ đã bỏ ở đâu, không có cơ sở để truy tìm nên không đặt ra giải quyết.

[2.7] Về những vấn đề khác:

[2.7.1] Đối với Trần Văn V và Hồ Thị N có hành vi mua tài sản do phạm tội mà có tuy nhiên tại thời điểm mua tài sản, Trần Văn V và Hồ Thị N đều không biết nguồn gốc tài sản là do phạm tội mà có nên không đủ căn cứ xử lý Trần Văn V và Hồ Thị N về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự.

[2.7.2] Đối với Nguyễn Tấn Ph và anh Nguyễn Văn B cho bị cáo S, T mượn xe mô tô để đi lại. Bị cáo S, T sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội thì anh Ph, anh B không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Ph, anh B là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn: Về đề nghị áp dụng pháp luật; tội danh; loại hình phạt; hình phạt bổ sung; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mức hình phạt; trách nhiệm dân sự đối với 02 bị cáo; mức hình phạt đối với bị cáo T và xử lý vật chứng như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo S là có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

[4] Xét ý kiến tranh luận: Bị cáo không có tranh luận gì nên không xét.

[5] Xét lời nói sau cùng của bị cáo: Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo tương ứng với tình tiết giảm nhẹ các bị cáo được hưởng.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Hào S và Phạm Tấn T đều phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Ngô Hào S **26 (hai mươi sáu)** tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 22/11/2020.

Xử phạt: Phạm Tấn T **24 (hai mươi bốn)** tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 22/11/2020.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với Ngô Hào S và Phạm Tấn Tuấn.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự.

Tuyên buộc Ngô Hào S và Phạm Tấn T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại Võ Văn L số tiền 4.524.000đồng (*bốn triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng*); mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Võ Văn L số tiền 2.262.000đồng (*hai triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý xong và phù hợp quy định của pháp luật nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên buộc:

Ngô Hào S và Phạm Tấn T, mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*); tổng cộng: 500.000đồng (*năm trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/7/2021).

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm đối với phần liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an; VKSND; CC.THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Tam Mỹ Đông và xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (thay thông báo);
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Toại

